

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

| STT | Tiêu chí đánh giá | Nội dung đánh giá | Đạt | Không đạt |
|-----------|---|---|----------|-----------|
| I | Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | | | |
| 1 | Phạm vi cung cấp | Đáp ứng yêu cầu của HSMT | X | |
| | | Không đáp ứng yêu cầu của HSMT | | X |
| 2 | Số lượng, chủng loại cung cấp | Đáp ứng yêu cầu của HSMT | X | |
| | | Không đáp ứng yêu cầu của HSMT | | X |
| 3 | Địa điểm cung cấp | Đáp ứng yêu cầu của HSMT | X | |
| | | Không đáp ứng yêu cầu của HSMT | | X |
| II | Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ | | | |
| 1 | Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa | - Có đính kèm giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành. - Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu cụ thể tại Chương V - Yêu cầu về kỹ thuật. - Có cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa và chất lượng hàng hóa khi Trại giam yêu cầu | X | |
| | | Không đáp ứng các yêu cầu trên | | X |
| 2 | Tính hợp lệ của hàng hóa | - Có đầy đủ tài liệu chứng minh Hàng hoá chào thầu phù hợp tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu E-CDNT 10.8 trong chương II và Mục 1.3 – Chương V của E-HSMT. | X | |
| | | - Không có đầy đủ tài liệu chứng minh hàng hoá chào thầu phù hợp tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu E-CDNT 10.8 trong chương II và Mục 1.3 – Chương V của E-HSMT | | X |
| | | Không đáp ứng các yêu cầu trên | | X |

| STT | Tiêu chí đánh giá | Nội dung đánh giá | Đạt | Không đạt |
|------------|---|--|------------|------------------|
| III | Tiến độ cung cấp hàng hóa | | | |
| 1 | Thời gian giao hàng | - Nhà thầu cam kết: Hàng hóa được cung cấp thành nhiều đợt liên tục trong thời gian thực hiện hợp đồng | X | |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên. | | X |
| 2 | Kế hoạch tổ chức cung cấp, bàn giao hàng hóa | - Có bản thuyết minh các giải pháp kỹ thuật, an toàn lao động, quy trình thực hiện, biện pháp tổ chức cung cấp, vận chuyển bàn giao hàng hóa hợp lý, khả thi. | X | |
| | | Không đáp ứng các yêu cầu trên | | X |
| IV | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành; năng lực cung cấp các dịch vụ sau bán hàng; | | | |
| 1 | Kế hoạch bảo hành, hậu mãi | - Cung cấp đổi trả hàng lỗi, hàng kém chất lượng ngay khi có yêu cầu của chủ đầu tư trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo. | X | |
| | | Không đáp ứng yêu cầu trên | | X |
| V | Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu | | | |
| 1 | Cam kết | Nhà thầu có cam kết: không có từ 02 hợp đồng trở lên chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu. | X | |
| | | Nhà thầu không có cam kết: không có từ 02 hợp đồng trở lên chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu; hoặc kết quả tra cứu vi phạm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho thấy Nhà thầu có từ 02 hợp đồng trở lên chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu. | | X |
| VI | Kết luận đánh giá | | | |
| 1 | Đáp ứng yêu cầu về về mặt kỹ thuật | Đạt tất cả các yêu cầu nội dung đánh nêu trên | Đạt | |
| 2 | Không đáp ứng yêu cầu về về mặt kỹ thuật | Không đạt yêu cầu một trong các nội dung đánh giá nêu trên | | Không đạt |

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.